

Số: 2134/TB-ĐHSP

Đà Nẵng, ngày 18 tháng 12 năm 2024

THÔNG BÁO
Về việc hoàn trả tiền thu bảo hiểm y tế sinh viên
của năm 2025 (Đợt 2)

Căn cứ Nghị định số 146/2018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế;

Căn cứ Thông báo số 1399/TB-ĐHSP ngày 30/8/2024 của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng về việc tham gia Bảo hiểm y tế bắt buộc đối với sinh viên khóa tuyển sinh năm 2024;

Căn cứ Thông báo số 1804/TB-ĐHSP ngày 25/10/2024 của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng về việc tham gia Bảo hiểm y tế bắt buộc đối với sinh viên năm 2025.

Nhà trường thông báo về việc hoàn trả tiền thu bảo hiểm y tế (BHYT) sinh viên (SV) của năm 2025 (đợt 2) như sau:

1. Đối tượng: các SV thuộc đối tượng ưu tiên được cấp BHYT tại địa phương năm 2024 và SV có thời hạn sử dụng thẻ BHYT đã được cấp năm 2024 trùng với thời hạn thẻ BHYT tại trường (*danh sách đính kèm*).

2. Cách thức nhận tiền: Nhà trường hoàn trả tiền BHYT vào tài khoản thẻ SV của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

Trên đây là thông báo về việc hoàn trả tiền thu BHYT SV của năm 2025 (đợt 2). Đề nghị Thủ trưởng các đơn vị liên quan triển khai đến sinh viên để đảm bảo quyền lợi đối với SV đang học tập tại Trường./. *M*

Nơi nhận:

- Thủ trưởng các đơn vị (để thực hiện);
- Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng (để biết);
- Lưu: VT, CTSV. *ph*

HIỆU TRƯỞNG



PGS. TS. Võ Văn Minh



ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC HOÀN TIỀN MUA BHYT
CỦA NĂM 2025 (ĐỢT 2)

(Kèm theo Thông báo số 2134 / TB-DHSP ngày 15 tháng 10 năm 2024 của trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	GT	Lớp	Số tiền đã nộp (đ)	Số tiền mua BHYT (đ)	Số tiền trả lại (đ)	Ghi chú
1	3110121015	Nguyễn Đặc Nhiệm	13/01/2003	Nam	21ST2	884,520	0	884,520	
2	3110121064	Trần Văn Duyên	31/05/2003	Nam	21ST2	884,520	0	884,520	
3	3110122050	Đỗ Thị Thúy Nga	15/10/2004	Nữ	22ST2	884,520	0	884,520	
4	3110123043	Dương Khánh Huyền	02/02/2005	Nữ	23ST2	884,520	0	884,520	
5	3110123080	Trần Thị Kim Quỳnh	04/05/2005	Nữ	23ST2	884,520	0	884,520	
6	3120122016	Phan Thanh Nhã	12/06/2004	Nam	22SPT	884,520	0	884,520	
7	3120122019	Puinh Nức	27/11/2003	Nam	22SPT	884,520	0	884,520	
8	3120221225	Ông Hoàng Mỹ	24/08/2003	Nam	21CNTT3	884,520	0	884,520	
9	3120221401	Phạm Anh Kiệt	05/09/2003	Nam	21CNTT3	884,520	0	884,520	
10	3120221454	Nguyễn Thanh Tâm	10/10/2003	Nam	21CNTT2	884,520	0	884,520	
11	3120222002	Nguyễn Quang An	27/12/2002	Nam	22CNTT1	884,520	0	884,520	
12	3120222008	Phạm Văn Cầm	10/11/2004	Nam	22CNTT2	884,520	0	884,520	
13	3120222083	Đoàn Thị Nga	22/02/2004	Nữ	22CNTT2	884,520	0	884,520	
14	3120222155	Đoàn Văn Vĩnh	09/08/2004	Nam	22CNTT1	884,520	0	884,520	
15	3120222156	Huỳnh Minh Vũ	17/04/2004	Nam	22CNTT1	884,520	0	884,520	
16	3120223022	Võ Thế Chính	22/12/2004	Nam	23CNTT1	884,520	0	884,520	
17	3120223165	Trần Minh Quang	21/08/2003	Nam	23CNTT1	884,520	0	884,520	
18	3130121015	Mai Trung Hải	06/01/2002	Nam	21SVL1	884,520	0	884,520	
19	3130121017	Huỳnh Thị Hiền	11/12/2003	Nữ	21SVL1	884,520	0	884,520	

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	GT	Lớp	Số tiền đã nộp (đ)	Số tiền mua BHYT (đ)	Số tiền trả lại (đ)	Ghi chú
20	3130121083	Nguyễn Thị Hợp	26/09/2003	Nữ	21SVL2	884,520	0	884,520	
21	3130121088	Nguyễn Mai Thảo Huyền	01/09/2003	Nữ	21SVL1	884,520	0	884,520	
22	3130121096	Lê Đăng Minh	25/06/2003	Nam	21SVL2	884,520	0	884,520	
23	3130121100	Đặng Văn Nam	17/03/2003	Nam	21SVL2	884,520	0	884,520	
24	3130121116	Đỗ Thị Thanh Thúy	30/07/2003	Nữ	21SVL1	884,520	0	884,520	
25	3130121122	Nguyễn Hoàng Triều	06/04/2003	Nam	21SVL2	884,520	0	884,520	
26	3130122010	Phạm Sĩ Anh Đức	23/01/2003	Nam	22SVL	884,520	0	884,520	
27	3130122011	Trần Nguyễn Khánh Dương	02/02/2004	Nam	22SVL	884,520	0	884,520	
28	3130123026	Đinh Thị Thùy Tiên	06/04/2005	Nữ	23SVL	884,520	0	884,520	
29	3140122004	Alăng Bằng	07/01/2003	Nam	22SHH	884,520	0	884,520	
30	3140122008	Nguyễn Đại	06/01/2003	Nam	22SHH	884,520	0	884,520	
31	3140122011	Phan Thị Huyền Diệu	11/02/2004	Nữ	22SHH	884,520	0	884,520	
32	3140122017	Đặng Hữu Hiệp	10/03/2002	Nam	22SHH	884,520	0	884,520	
33	3140122021	Nguyễn Phạm Hồng Hưng	27/05/2004	Nam	22SHH	884,520	0	884,520	
34	3140123007	Thái Duy Linh	22/02/2005	Nam	23SHH	884,520	0	884,520	
35	3140721043	Nguyễn Minh Long	27/10/2002	Nam	21SKT2	884,520	0	884,520	
36	3140721141	Nguyễn Thị Lan Phương	27/08/2003	Nữ	21SKT2	884,520	0	884,520	
37	3140721143	Trương Bảo Quỳnh	20/05/2003	Nữ	21SKT2	884,520	0	884,520	
38	3140721146	Nguyễn Thị Thu Thảo	01/01/2003	Nữ	21SKT1	884,520	0	884,520	
39	3140721153	Nguyễn Thị Thuận	13/10/2003	Nữ	21SKT1	884,520	0	884,520	
40	3140722073	Trần Thị Quỳnh Như	17/10/2004	Nữ	22SKT1	884,520	0	884,520	
41	3140722075	Trần Thị Kim Oanh	01/02/2004	Nữ	22SKT1	884,520	0	884,520	
42	3140722076	Võ Thị Lan Oanh	30/10/2004	Nữ	22SKT1	884,520	0	884,520	
43	3140722094	Phan Thị Ngọc Thu	10/05/2004	Nữ	22SKT2	884,520	0	884,520	
44	3140722111	Lê Thị Trang	05/04/2004	Nữ	22SKT1	884,520	0	884,520	

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	GT	Lớp	Số tiền đã nộp (đ)	Số tiền mua BHYT (đ)	Số tiền trả lại (đ)	Ghi chú
45	3140722115	Lại Minh Trúc	02/02/2004	Nữ	22SKT1	884,520	0	884,520	
46	3140722118	Nguyễn Thị Hoàng Uyên	20/09/2004	Nữ	22SKT1	884,520	0	884,520	
47	3140723050	Phạm Trần Ái Ly	03/03/2005	Nữ	23SKT1	884,520	0	884,520	
48	3140723060	Tạ Thị Kim Ngân	05/05/2005	Nữ	23SKT1	884,520	0	884,520	
49	3140723079	Nguyễn Mai Nhật Quỳnh	18/01/2005	Nữ	23SKT2	884,520	0	884,520	
50	3140723102	Đỗ Phương Trâm	01/03/2005	Nữ	23SKT2	884,520	0	884,520	
51	3150123019	Trần Công Minh	10/01/2005	Nam	23SS	884,520	0	884,520	
52	3150123031	Bùi Thị Thắm	21/09/2005	Nữ	23SS	884,520	0	884,520	
53	3160121023	Y Hồng	19/07/2003	Nữ	21SGC	884,520	0	884,520	
54	3160121026	Siu Lan	17/05/2003	Nữ	21SGC	884,520	0	884,520	
55	3160122015	Avô Thị Aly Na	21/06/2004	Nữ	22SGC	884,520	0	884,520	
56	3160122019	Un Thị Phước	02/02/2004	Nữ	22SGC	884,520	0	884,520	
57	3160122022	Nguyễn Võ Thanh Tâm	30/05/2004	Nữ	22SGC	884,520	0	884,520	
58	3160123019	Triệu Thị Nhung	28/08/2005	Nữ	23SGC	884,520	0	884,520	
59	3160422005	Lý Trần Thái Bình	26/09/2004	Nam	22SAN	884,520	0	884,520	
60	3160422015	Ngô Gia Hán	21/09/2004	Nữ	22SAN	884,520	0	884,520	
61	3160422052	Nguyễn Tổng Anh Thư	13/09/2004	Nữ	22SAN	884,520	0	884,520	
62	3160424052	Nguyễn Thảo Nhi	17/08/2006	Nữ	24SAN2	1,105,650	1,031,940	73,710	
63	3160521016	Lê Nguyễn Thanh Thương	22/04/2003	Nữ	21SCD	884,520	0	884,520	
64	3160522026	Ngô Thị Thiên Nga	14/08/2004	Nữ	22SCD	884,520	0	884,520	
65	3160522033	Trần Lê Minh Nguyệt	18/03/2004	Nữ	22SCD	884,520	0	884,520	
66	3160522050	Hồ Thị Bích Trà	04/10/2004	Nữ	22SCD	884,520	0	884,520	
67	3160523002	Đinh Văn Bi	01/01/2005	Nam	23SCD	884,520	0	884,520	
68	3160523016	Phạm Hồng Lương	23/01/2005	Nam	23SCD	884,520	0	884,520	
69	3160523019	Nguyễn Hà Mỹ	16/07/2005	Nữ	23SCD	884,520	0	884,520	

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	GT	Lớp	Số tiền đã nộp (đ)	Số tiền mua BHYT (đ)	Số tiền trả lại (đ)	Ghi chú
70	3160523028	Mai Thị Diệu Canh	13/06/2005	Nữ	23SCD	884,520	0	884,520	
71	3160523048	Trần Tiến Đạt	10/01/2005	Nam	23SCD	884,520	0	884,520	
72	3170121041	Trần Thị Thanh Thúy	25/12/2003	Nữ	21SNV1	884,520	0	884,520	
73	3170121080	Ngô Mỹ Duyên	08/12/2003	Nữ	21SNV2	884,520	0	884,520	
74	3170121140	Đinh Thị Kim Ngân	18/04/2003	Nữ	21SNV1	884,520	0	884,520	
75	3170121171	Đinh Thị Siêu	20/02/2003	Nữ	21SNV3	884,520	0	884,520	
76	3170121178	Nguyễn Thị Thanh Thảo	02/11/2003	Nữ	21SNV1	884,520	0	884,520	
77	3170121187	Nguyễn Hoàng Anh Thư	19/03/2003	Nữ	21SNV3	884,520	0	884,520	
78	3170122031	Đinh Thị Y Hạnh	15/04/2004	Nữ	22SNV2	884,520	0	884,520	
79	3170122067	Đặng Nguyễn Đăng Nguyễn	20/12/2004	Nữ	22SNV1	884,520	0	884,520	
80	3170122093	Hồ Thị Sen	19/08/2004	Nữ	22SNV2	884,520	0	884,520	
81	3170122095	Nguyễn Quang Thắng	18/08/2004	Nam	22SNV2	884,520	0	884,520	
82	3170122102	Hà Thị Thúy	06/11/2004	Nữ	22SNV1	884,520	0	884,520	
83	3170122103	Nguyễn Thị Thúy	17/05/2004	Nữ	22SNV2	884,520	0	884,520	
84	3170123047	Lô Thị Vi La	14/08/2005	Nữ	23SNV1	884,520	0	884,520	
85	3170123064	Hoàng Tuấn Nam	24/01/2005	Nam	23SNV1	884,520	0	884,520	
86	3170123073	Phan Thị Bảo Ngọc	27/11/2005	Nữ	23SNV1	884,520	0	884,520	
87	3170123130	Trương Thị Hà Vy	16/01/2005	Nữ	23SNV2	884,520	0	884,520	
88	3170221131	Trương Văn Phúc	26/05/2003	Nam	21CVH	884,520	0	884,520	
89	3170223022	Siu H' Huyền	06/08/2005	Nữ	23CVH	884,520	0	884,520	
90	3170223043	Nguyễn Thị Ánh Nhung	03/05/2005	Nữ	23CVH	884,520	0	884,520	
91	3170224035	Lê Đình Mạnh	24/11/2006	Nam	24CVH	1,105,650	884,520	221,130	
92	3170224055	Nguyễn Lê Thúy Quỳnh	18/03/2006	Nữ	24CVH	1,105,650	1,031,940	73,710	
93	3170322012	Trần Thị Hào	12/03/2004	Nữ	22CVHH	884,520	0	884,520	
94	3170423131	Nguyễn Thị Tường Vi	01/10/2005	Nữ	23CBC2	884,520	0	884,520	

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	GT	Lớp	Số tiền đã nộp (đ)	Số tiền mua BHYT (đ)	Số tiền trả lại (đ)	Ghi chú
95	3170423138	Ngô Thị Như Ý	01/02/2005	Nữ	23CBC2	884,520	0	884,520	
96	3170622014	Nguyễn Thị Như Quỳnh	28/11/2004	Nữ	22CBC2	884,520	0	884,520	
97	3180122006	Nguyễn Cảnh Đức	07/09/2004	Nam	22SLS	884,520	0	884,520	
98	3180122037	Nguyễn Hữu Phước	23/06/2004	Nam	22SLS	884,520	0	884,520	
99	3180122043	Polong Thị Say	15/11/2004	Nữ	22SLS	884,520	0	884,520	
100	3180123010	Lê Thị Thùy Linh	25/02/2005	Nữ	23SLS	884,520	0	884,520	
101	3180123027	Trần Thị Ngọc Tuyết	10/11/2005	Nữ	23SLS	884,520	0	884,520	
102	3180124022	Lương Thanh Tảo	08/06/2005	Nam	24SLS	1,105,650	0	1,105,650	
103	3180222035	Nguyễn Ngọc Vũ Hưng	07/10/2004	Nam	22CVNHI	884,520	0	884,520	
104	3180222107	Huỳnh Văn Tâm	05/12/2004	Nam	22CVNHI	884,520	0	884,520	
105	3180222124	Cầm Thị Thu	28/09/2004	Nữ	22CVNH2	884,520	0	884,520	
106	3180223105	Hồ Quỳnh Thơ	12/04/2005	Nữ	23CVNHI	884,520	0	884,520	
107	3180223123	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	05/12/2005	Nữ	23CVNH2	884,520	0	884,520	
108	3180223136	Nguyễn Thị Tố Uyên	08/10/2005	Nữ	23CVNHI	884,520	0	884,520	
109	3180523011	Trần Quốc Đạt	06/05/2005	Nam	23CLS	884,520	0	884,520	
110	3180721100	Alăng Quốc	02/06/2003	Nam	21SLD	884,520	0	884,520	
111	3180721120	Lê Dương Bảo Trâm	17/09/2003	Nữ	21SLD	884,520	0	884,520	
112	3180722005	Nguyễn Tiến Anh	21/11/2004	Nam	22SLD1	884,520	0	884,520	
113	3180722022	Trương Mỹ Hoa	31/10/2003	Nữ	22SLD1	884,520	0	884,520	
114	3180722030	Lê Thị Phương Khanh	07/11/2004	Nữ	22SLD1	884,520	0	884,520	
115	3180722046	Alung Phi Lỵc	04/10/2004	Nam	22SLD1	884,520	0	884,520	
116	3180722079	Đinh Thị Sen	29/04/2004	Nữ	22SLD1	884,520	0	884,520	
117	3180722102	Nguyễn Thị Tố Trinh	30/05/2004	Nữ	22SLD1	884,520	0	884,520	
118	3180722107	Đoàn Thị Ngọc Uyên	20/01/2004	Nữ	22SLD2	884,520	0	884,520	
119	3180723005	Nguyễn Thị Lan Anh	28/04/2005	Nữ	23SLD1	884,520	0	884,520	

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	GT	Lớp	Số tiền đã nộp (đ)	Số tiền mua BHYT (đ)	Số tiền trả lại (đ)	Ghi chú
120	3180723033	Lê Thị Kỳ	11/04/2005	Nữ	23SLD2	884,520	0	884,520	
121	3180723046	Hồ Thị Như Ly	08/01/2005	Nữ	23SLD1	884,520	0	884,520	
122	3180723104	Alăng Thị Tóp	19/06/2005	Nữ	23SLD1	884,520	0	884,520	
123	3190122008	Đinh Hy Một Đoi	08/07/2004	Nữ	22SDL	884,520	0	884,520	
124	3190122035	Nguyễn Thị Nguyệt	30/08/2004	Nữ	22SDL	884,520	0	884,520	
125	3190123016	Bùi Huy Hoàng	02/03/2005	Nam	23SDL	884,520	0	884,520	
126	3190421134	Trần Lê Huyền	01/01/2003	Nữ	21CDDL	884,520	0	884,520	
127	3190423017	Đinh Hữu Hân	17/01/2005	Nam	23CDDL	884,520	0	884,520	
128	3190423071	Phạm Vũ Thịnh	05/07/2005	Nam	23CDDL	884,520	0	884,520	
129	3190423090	Thái Thị Bình Yên	26/04/2005	Nữ	23CDDL	884,520	0	884,520	
130	3200221219	Phan Thị Diễm Phương	02/04/2003	Nữ	21CTL2	884,520	0	884,520	
131	3200221222	Dương Thị Minh Quý	12/05/2003	Nữ	21CTL2	884,520	0	884,520	
132	3200222071	Nguyễn Bá Thái	02/06/2004	Nam	22CTL	884,520	0	884,520	
133	3200222092	Văn Thị Xuân Trúc	19/12/2004	Nữ	22CTL	884,520	0	884,520	
134	3200223136	Hoàng Ngọc Tuyết	09/11/2005	Nữ	23CTL2	884,520	0	884,520	
135	3200224131	Phạm Nguyễn Thanh Lam	11/04/2006	Nữ	24CTL1	1,105,650	0	1,105,650	
136	3200321056	Đặng Hồng Ân	27/07/2003	Nữ	21CTXH	884,520	0	884,520	
137	3200321076	Hồ Thị Mỹ Linh	06/12/2003	Nữ	21CTXH	884,520	0	884,520	
138	3200321087	Hoàng Thị Nguyệt	09/04/2003	Nữ	21CTXH	884,520	0	884,520	
139	3220121249	Hà Thị Như Ai	05/11/2003	Nữ	21STH10	884,520	0	884,520	
140	3220121267	Nguyễn Thị Anh	06/01/2003	Nữ	21STH7	884,520	0	884,520	
141	3220121327	Mai Thị Thùy Dung	05/06/2002	Nữ	21STH6	884,520	0	884,520	
142	3220121329	Nguyễn Thúy Thùy Dung	18/05/2003	Nữ	21STH4	884,520	0	884,520	
143	3220121388	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	01/01/2003	Nữ	21STH2	884,520	0	884,520	
144	3220121411	Nguyễn Thị Hoa	02/04/2003	Nữ	21STH5	884,520	0	884,520	

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	GT	Lớp	Số tiền đã nộp (đ)	Số tiền mua BHYT (đ)	Số tiền trả lại (đ)	Ghi chú
145	3220121463	Nguyễn Thị Hoàng Lan	26/10/2003	Nữ	21STH3	884,520	0	884,520	
146	3220121466	Trương Thị Thanh Lịch	25/10/2003	Nữ	21STH4	884,520	0	884,520	
147	3220121520	Nguyễn Phùng Tiểu My	12/06/2003	Nữ	21STH6	884,520	0	884,520	
148	3220121549	Phạm Thị Nghiên	27/02/2003	Nữ	21STH7	884,520	0	884,520	
149	3220121573	Arát Thị Nhanh	28/05/2003	Nữ	21STH9	884,520	0	884,520	
150	3220121582	Lại Thị Yến Nhi	25/08/2003	Nữ	21STH10	884,520	0	884,520	
151	3220121586	Nguyễn Thảo Nhi	12/10/2003	Nữ	21STH9	884,520	0	884,520	
152	3220121635	Trần Thị Hà Phương	18/02/2003	Nữ	21STH4	884,520	0	884,520	
153	3220121669	Aviét Thị Rác	29/05/2003	Nữ	21STH10	884,520	0	884,520	
154	3220121684	Võ Thị Minh Tâm	30/04/2003	Nữ	21STH6	884,520	0	884,520	
155	3220121700	Nguyễn Phương Thảo	20/03/2003	Nữ	21STH2	884,520	0	884,520	
156	3220121708	Y Thảo	24/01/2003	Nữ	21STH5	884,520	0	884,520	
157	3220121739	Đoàn Thị Thu Thủy	13/03/2003	Nữ	21STH4	884,520	0	884,520	
158	3220121783	Ngô Thị Huyền Trang	12/12/2003	Nữ	21STH8	884,520	0	884,520	
159	3220121786	Nguyễn Thị Huyền Trang	11/04/2003	Nữ	21STH9	884,520	0	884,520	
160	3220121827	Trần Thị Tú Uyên	07/07/2003	Nữ	21STH10	884,520	0	884,520	
161	3220121848	Lâm Thị Kiều Vy	16/09/2003	Nữ	21STH10	884,520	0	884,520	
162	3220122008	Hoàng Thị Hoài Anh	24/12/2003	Nữ	22STH3	884,520	0	884,520	
163	3220122024	Nguyễn Ngọc Bình	04/05/2004	Nữ	22STH1	884,520	0	884,520	
164	3220122025	Nguyễn Thị Châu	16/11/2004	Nữ	22STH6	884,520	0	884,520	
165	3220122035	Võ Tá Đại	02/03/2004	Nam	22STH4	884,520	0	884,520	
166	3220122080	Blúp Thị Hồng Hào	20/10/2004	Nữ	22STH6	884,520	0	884,520	
167	3220122081	Hoàng Thị Hào	29/08/2002	Nữ	22STH1	884,520	0	884,520	
168	3220122083	Lê Thị Thúy Hiền	24/11/2004	Nữ	22STH1	884,520	0	884,520	
169	3220122091	Nguyễn Thị Hoài	07/07/2004	Nữ	22STH3	884,520	0	884,520	

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	GT	Lớp	Số tiền đã nộp (đ)	Số tiền mua BHYT (đ)	Số tiền trả lại (đ)	Ghi chú
170	3220122093	Đậu Thị Hồng	03/02/2002	Nữ	22STH3	884,520	0	884,520	
171	3220122095	Âu Thị Huệ	20/01/2004	Nữ	22STH4	884,520	0	884,520	
172	3220122104	Đinh Thị Diệu Huyền	28/03/2004	Nữ	22STH1	884,520	0	884,520	
173	3220122109	Lương Thị Khánh Huyền	13/01/2004	Nữ	22STH1	884,520	0	884,520	
174	3220122146	Phan Thị Lộc	22/09/2004	Nữ	22STH6	884,520	0	884,520	
175	3220122186	Hà Thảo Nguyên	21/01/2004	Nữ	22STH5	884,520	0	884,520	
176	3220122194	Lê Thị Uyên Nhi	01/08/2004	Nữ	22STH1	884,520	0	884,520	
177	3220122197	Nguyễn Thị Yến Nhi	22/10/2004	Nữ	22STH5	884,520	0	884,520	
178	3220122198	Nguyễn Thanh Uyên Nhi	03/09/2004	Nữ	22STH5	884,520	0	884,520	
179	3220122199	Nguyễn Y Thủy Nhi	25/11/2004	Nữ	22STH4	884,520	0	884,520	
180	3220122214	Hồ Thị Oanh	05/09/2004	Nữ	22STH3	884,520	0	884,520	
181	3220122218	Đinh Y Phong	24/05/2004	Nữ	22STH1	884,520	0	884,520	
182	3220122229	Ksor So Sang	15/02/2004	Nữ	22STH2	884,520	0	884,520	
183	3220122241	Nguyễn Thị Minh Thanh	16/11/2004	Nữ	22STH1	884,520	0	884,520	
184	3220122287	Lê Thị Thùy Trang	03/11/2004	Nữ	22STH5	884,520	0	884,520	
185	3220122302	Nguyễn Thị Trinh	12/07/2004	Nữ	22STH1	884,520	0	884,520	
186	3220122304	Poloong Thị Trữu	08/01/2004	Nữ	22STH3	884,520	0	884,520	
187	3220122332	Y Yến	14/08/2003	Nữ	22STH1	884,520	0	884,520	
188	3220122333	Nguyễn Ngọc Thủy Tiên	24/08/2003	Nữ	22STH3	884,520	0	884,520	
189	3220123009	Ksor Kim Anh	18/03/2005	Nữ	23STH7	884,520	0	884,520	
190	3220123020	Phùng Thị Ngọc Anh	28/09/2005	Nữ	23STH7	884,520	0	884,520	
191	3220123044	Võ Thị Kim Chi	08/06/2005	Nữ	23STH5	884,520	0	884,520	
192	3220123047	Nguyễn Tiểu Linh Đa	23/10/2005	Nữ	23STH3	884,520	0	884,520	
193	3220123050	Hoàng Thị Cẩm Đào	10/04/2004	Nữ	23STH4	884,520	0	884,520	
194	3220123080	Nguyễn Thị Mai Giang	06/04/2005	Nữ	23STH2	884,520	0	884,520	

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	GT	Lớp	Số tiền đã nộp (đ)	Số tiền mua BHYT (đ)	Số tiền trả lại (đ)	Ghi chú
195	3220123084	Trình Hương Giang	21/06/2005	Nữ	23STH2	884,520	0	884,520	
196	3220123136	Nguyễn Thị Hoài Hương	09/01/2005	Nữ	23STH7	884,520	0	884,520	
197	3220123150	Nguyễn Thị Huyền	05/09/2005	Nữ	23STH1	884,520	0	884,520	
198	3220123151	Nguyễn Thị Huyền	16/01/2005	Nữ	23STH7	884,520	0	884,520	
199	3220123157	Đinh Thị Hy	25/01/2005	Nữ	23STH2	884,520	0	884,520	
200	3220123158	Nguyễn Thị Xu In	07/10/2005	Nữ	23STH7	884,520	0	884,520	
201	3220123162	Mã Thị Thanh Lam	08/03/2005	Nữ	23STH6	884,520	0	884,520	
202	3220123169	Alăng Thị Hồng Linh	04/01/2005	Nữ	23STH7	884,520	0	884,520	
203	3220123187	Trần Thị Hải Linh	18/09/2005	Nữ	23STH7	884,520	0	884,520	
204	3220123213	Bnướcch Thị Miu	05/02/2005	Nữ	23STH5	884,520	0	884,520	
205	3220123224	Nguyễn Thị Lê Na	04/08/2005	Nữ	23STH5	884,520	0	884,520	
206	3220123249	Zơ Rum Nguyệt	13/09/2005	Nữ	23STH4	884,520	0	884,520	
207	3220123261	Nguyễn Thị Yến Nhi	17/10/2005	Nữ	23STH6	884,520	0	884,520	
208	3220123276	Phạm Thị Quỳnh Như	05/05/2005	Nữ	23STH2	884,520	0	884,520	
209	3220123301	Bùi Như Quỳnh	11/12/2005	Nữ	23STH3	884,520	0	884,520	
210	3220123324	Bùi Thị Thảo	30/12/2005	Nữ	23STH6	884,520	0	884,520	
211	3220123331	Phạm Thị Theo	15/01/2005	Nữ	23STH2	884,520	0	884,520	
212	3220123338	Hà Thị Thu Thoa	07/11/2005	Nữ	23STH7	884,520	0	884,520	
213	3220123339	Phan Thị Thơm	09/03/2005	Nữ	23STH6	884,520	0	884,520	
214	3220123350	Nguyễn Ngọc Thuần	26/07/2005	Nữ	23STH4	884,520	0	884,520	
215	3220123356	Nguyễn Thị Thủy	06/04/2005	Nữ	23STH1	884,520	0	884,520	
216	3220123379	Hồ Thị Trang	08/11/2005	Nữ	23STH2	884,520	0	884,520	
217	3220123414	Zơ Râm Thị Hà Vi	27/01/2005	Nữ	23STH6	884,520	0	884,520	
218	3220123445	Y Huế	15/06/2004	Nữ	23STH2	884,520	0	884,520	
219	3220124199	Hồ Phan Quỳnh Như	23/10/2006	Nữ	24STH3	884,520	0	884,520	

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	GT	Lớp	Số tiền đã nộp (đ)	Số tiền mua BHYT (đ)	Số tiền trả lại (đ)	Ghi chú
220	3220124371	Nguyễn Thị Thùy Trang	27/10/2005	Nữ	24STH5	1,105,650	0	1,105,650	
221	3220222003	Lê Trung Anh	28/08/2004	Nam	22STC	884,520	0	884,520	
222	3220222014	A Lăng Giáp	06/01/2004	Nam	22STC	884,520	0	884,520	
223	3220222024	Nguyễn Thị Mai Huyền	20/02/2002	Nữ	22STC	884,520	0	884,520	
224	3220222036	Alăng Ngọc	10/08/2004	Nam	22STC	884,520	0	884,520	
225	3220222040	Nguyễn Nữ Ngọc Nhi	14/11/2004	Nữ	22STC	884,520	0	884,520	
226	3220223047	Arát Thị Phương	19/08/2005	Nữ	23STC	884,520	0	884,520	
227	3220223068	Nguyễn Thế Tú	27/04/2005	Nam	23STC	884,520	0	884,520	
228	3230121011	Trần Nguyễn Thảo Linh	14/06/2003	Nữ	21SMN4	884,520	0	884,520	
229	3230121027	Nguyễn Phạm Thanh Tú	28/08/2003	Nữ	21SMN3	884,520	0	884,520	
230	3230121080	Nguyễn Thị Phương Hoa	07/10/2003	Nữ	21SMN4	884,520	0	884,520	
231	3230121110	Nguyễn Huỳnh Thảo Ly	30/07/2003	Nữ	21SMN2	884,520	0	884,520	
232	3230121111	Nguyễn Thảo Ly	19/09/2003	Nữ	21SMN3	884,520	0	884,520	
233	3230121170	Đinh Thị Như Phương	04/11/2003	Nữ	21SMN3	884,520	0	884,520	
234	3230121171	Hồ Thị Mai Phương	19/02/2003	Nữ	21SMN4	884,520	0	884,520	
235	3230121202	Phạm Thị Anh Thi	25/05/2003	Nữ	21SMN1	884,520	0	884,520	
236	3230121217	Châu Thị Thủy	01/12/2003	Nữ	21SMN4	884,520	0	884,520	
237	3230121260	Trương Thị Vỹ Tuyết	12/10/2003	Nữ	21SMN2	884,520	0	884,520	
238	3230121263	Hồ Kiều Van	20/02/2003	Nữ	21SMN1	884,520	0	884,520	
239	3230122008	Arát Thị Co Ca	19/04/2004	Nữ	22SMN2	884,520	0	884,520	
240	3230122026	Mai Thị Thu Hà	25/09/2004	Nữ	22SMN2	884,520	0	884,520	
241	3230122057	Ksor H' Linh	03/09/2004	Nữ	22SMN3	884,520	0	884,520	
242	3230122060	Lê Thị Kim Loan	17/10/2004	Nữ	22SMN3	884,520	0	884,520	
243	3230122061	Nguyễn Hải Luân	21/10/2004	Nữ	22SMN1	884,520	0	884,520	
244	3230122065	Nguyễn Thị Cẩm Ly	30/12/2004	Nữ	22SMN2	884,520	0	884,520	

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	GT	Lớp	Số tiền đã nộp (đ)	Số tiền mua BHYT (đ)	Số tiền trả lại (đ)	Ghi chú
245	3230122067	Alăng Thị Mai	14/03/2003	Nữ	22SMN1	884,520	0	884,520	
246	3230122074	Y Ly Nàng	21/11/2003	Nữ	22SMN2	884,520	0	884,520	
247	3230122082	Lê Thị Yến Nhi	23/03/2004	Nữ	22SMN1	884,520	0	884,520	
248	3230122092	Arãi Thị Nụ	29/10/2004	Nữ	22SMN2	884,520	0	884,520	
249	3230122107	Huỳnh Thị Tuyết Suong	17/09/2004	Nữ	22SMN2	884,520	0	884,520	
250	3230122118	Nguyễn Ngọc Anh Thu	10/08/2004	Nữ	22SMN1	884,520	0	884,520	
251	3230122143	Trần Lê Thanh Trúc	07/10/2004	Nữ	22SMN3	884,520	0	884,520	
252	3230122148	Lê Ánh Tuyết	15/03/2004	Nữ	22SMN1	884,520	0	884,520	
253	3230122149	Nguyễn Thị Thảo Uyên	23/01/2004	Nữ	22SMN2	884,520	0	884,520	
254	3230123001	Nguyễn Trường An An	04/12/2005	Nữ	23SMN1	884,520	0	884,520	
255	3230123012	Lê Thị Thu Ba	16/10/2005	Nữ	23SMN4	884,520	0	884,520	
256	3230123021	Trương Thị Thành Đạt	02/09/2005	Nữ	23SMN2	884,520	0	884,520	
257	3230123028	Lê Thị Mỹ Duyên	25/06/2005	Nữ	23SMN1	884,520	0	884,520	
258	3230123055	Dương Thị Hồng Hợp	06/10/2005	Nữ	23SMN3	884,520	0	884,520	
259	3230123056	Phạm Hồ Hồng Huệ	05/02/2005	Nữ	23SMN4	884,520	0	884,520	
260	3230123086	Blúp Thị Luy	08/05/2005	Nữ	23SMN1	884,520	0	884,520	
261	3230123090	Trần Thị Nhật Ly	19/10/2005	Nữ	23SMN3	884,520	0	884,520	
262	3230123096	Nguyễn Thị Trà Mi	30/06/2005	Nữ	23SMN4	884,520	0	884,520	
263	3230123102	Đinh Thị Mi Na	29/11/1999	Nữ	23SMN2	884,520	0	884,520	
264	3230123113	Đinh Thị Minh Nguyệt	20/12/2005	Nữ	23SMN1	884,520	0	884,520	
265	3230123133	Huỳnh Thị Bích Phương	17/09/2005	Nữ	23SMN1	884,520	0	884,520	
266	3230123151	Bról Thị Thảo	26/04/2002	Nữ	23SMN3	884,520	0	884,520	
267	3230123180	Trần Thị Kiều Trâm	14/09/2005	Nữ	23SMN4	884,520	0	884,520	
268	3230123199	Alăng Thị Ngọc Ty	18/10/2005	Nữ	23SMN3	884,520	0	884,520	
269	3230123213	Y Bảo Yến	16/07/2005	Nữ	23SMN1	884,520	0	884,520	



STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	GT	Lớp	Số tiền đã nộp (đ)	Số tiền mua BHYT (đ)	Số tiền trả lại (đ)	Ghi chú
270	3240423014	Trần Thị Mỹ Hạnh	22/09/2005	Nữ	23SAN	884,520	0	884,520	
271	3240423049	Lê Đỗ Như Quỳnh	24/02/2005	Nữ	23SAN	884,520	0	884,520	
272	3240623003	Bùi Việt Anh	14/03/2004	Nam	23SGT	884,520	0	884,520	
273	3240623012	Nguyễn Tuấn Đạt	15/06/2005	Nam	23SGT	884,520	0	884,520	

Danh sách gồm 273 sinh viên./ *Thư*